

Số: **0654** /CNBT-TCHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **23** tháng 3 năm 2022

Về việc giao dịch hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước  
Sài Gòn – TNHH MTV (tổ chức có 03 thành viên  
làm người đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị  
tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1. Tên Công ty** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**  
(Mã chứng khoán: BTW)

**2. Trụ sở chính** : 194 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**3. Điện thoại** : (028) 38 297 147 – 38 272 990

**4. Fax** : (028) 38 229 778

**5. Người thực hiện công bố thông tin:**

- Họ và tên : NGUYỄN DOÃN XÃ – Giám đốc Công ty
- Địa chỉ : 413 – 415 L1 Trần Hưng Đạo, phường 14, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại :
  - + Di động : 0903951071
  - + Cơ quan : (028) 38 234 723
- Fax : (028) 38 229 778

**6. Loại thông tin công bố:**

- 24h       72h       Yêu cầu       Bất thường       Định kỳ

**7. Nội dung thông tin công bố:**

Thực hiện quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành công bố thông tin về việc giao dịch hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (tổ chức có 03 thành viên làm người đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị tại Công ty) như sau:

Căn cứ Nghị quyết số **05** /NQ-CNBT-HĐQT ngày **23/3/2022**, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đã thông qua việc ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 4 năm 2022, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 và 02 năm 2022 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV.

8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành vào ngày 23/3/2022 tại đường dẫn: [www.capnuocbenthanh.com](http://www.capnuocbenthanh.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

\* **Đính kèm:** Nghị quyết số 05 /NQ-CNBT-HĐQT ngày 23/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, TC-HC.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Nguyễn Doãn Xã**

Số: 05 /NQ-CNBT-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 4 năm 2022, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 và 02 năm 2022 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Căn cứ Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 28/5/2020;

Căn cứ Quy chế quản trị hiện hành của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội cổ đông thông qua ngày 28/5/2020;

Xét Tờ trình số 0525/TTr-CNBT-KTTC ngày 07/3/2022 của Giám đốc Công ty về việc xin ý kiến ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 và 02 năm 2022 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị tại Phiên họp thứ 16 (Nhiệm kỳ 2017 – 2022) vào ngày 16/3/2022,

### QUYẾT NGHỊ:

#### Điều 1.

1. Thông qua ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 và kỳ 02 năm 2022 với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**, Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 4 năm 2022 với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>** với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, theo nội dung đề nghị tại Tờ trình số 0525/TTr-CNBT-KTTC ngày 07/3/2022 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV sẽ thoả thuận lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Ủy quyền cho Giám đốc Công ty xem xét để ký kết các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 và 4 năm 2022 theo đúng nội dung Hợp đồng mua bán sỉ kỳ 01 và 02 năm 2022 với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**. Khi có sự thay đổi (điều chỉnh) khác về đơn giá mua bán (6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>), Giám đốc Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét.

**Điều 2.** Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Các phòng, ban, đội, bộ phận Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Thanh Vân**

Số: **0525** /TT-CNBT-KTTC

Tp.HCM, ngày *X* tháng 03 năm 2022

## TỜ TRÌNH

Xin ý kiến về việc ký kết

**Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022**  
**Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 và kỳ 02 năm 2022**

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**

Theo Công văn :

- Số 402/TCT-KDDVKH ngày 21/01/2022 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty) về việc xem xét và ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2022 giữa (Tổng Công ty) và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (Công ty), (đính kèm với dự thảo Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 và dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2022) với đơn giá bán tạm tính là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**;

- Số 980/TCT-KDDVKH ngày 03/03/2022 về đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 giữa Tổng Công ty và Công ty (đính kèm dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 02 năm 2022);

Tại Đại hội cổ đông thường niên 2021 được tổ chức vào ngày 23/04/2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (Công ty) đã trình và được Hội đồng Cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, quyết định ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2021, năm 2022 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Tổng Công ty) và Công ty;

Thực hiện việc ủy quyền này Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị chấp thuận để điều chỉnh đơn giá mua bán các hợp đồng được ký kết giữa Tổng Công ty và Công ty về bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022.

### I. Lý do điều chỉnh:

Thực hiện Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn về việc ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch cho cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể, đơn vị sản xuất, đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đó, kể từ ngày 01/12/2021, giá nước bán lẻ cho Khách hàng đã được điều chỉnh tăng với mức tăng bình quân khoảng 800đồng/m<sup>3</sup>. Để đảm bảo quyền lợi của các bên và tác động tích cực đến kết quả hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty điều chỉnh đơn giá bán sỉ cho Công ty.

## II. Nội dung điều chỉnh:

### 1. Về Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022:

Để cân đối hài hòa lợi ích giữa Tổng Công ty và Công ty, đồng thời tuân thủ nguyên tắc xây dựng đơn giá phù hợp với giá bán lẻ theo phương án lộ trình giá nước giai đoạn 2019-2022, hai bên cùng thống nhất đơn giá mua bán sỉ nước sạch **tạm tính năm 2022 là 6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**. Trong thời gian thực hiện hợp đồng với đơn giá tạm tính như trên, hai bên có thể xem xét điều chỉnh giá bán sỉ nước sạch cho phù hợp với tình hình thực tế. Về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022 có sự điều chỉnh như sau:

+ Đơn giá mua bán sỉ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng năm 2022 là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>** (tăng 461,42 đồng/ m<sup>3</sup> so với giá mua sỉ năm 2021)(\*).

(\* ) Giá mua sỉ năm 2021 là 6.043,03 đồng/m<sup>3</sup> chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

### 2. Về Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 và kỳ 02 năm 2022:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2022 vẫn tiếp tục kế thừa các nội dung đã được thể hiện trong Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 12 năm 2021. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận điều chỉnh **Điều 04 – Đơn giá mua bán**, các điều còn lại được giữ nguyên, chi tiết cụ thể như sau:

Điều	Nội dung Hợp đồng chưa điều chỉnh	Đề nghị sửa đổi bổ sung
<b><u>Điều 4:</u></b> <b><u>Đơn giá</u></b> <b><u>mua</u></b> <b><u>bán</u></b>	<p>4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là <b>6.043,03 đồng/m<sup>3</sup></b></p> <p>4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.</p>	<p>4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là <b>6.504,45 đồng/m<sup>3</sup></b></p> <p>4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.</p>

Điều	Nội dung Hợp đồng chưa điều chỉnh	Đề nghị sửa đổi bổ sung
	4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.	4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
	4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A sẽ tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.	4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A sẽ tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

### III. Đề nghị phê duyệt:

Căn cứ :

- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ:

+ Khoản 4 Điều 24 quy định: “Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty”.

+ Điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 26 quy định: “Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty của cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% trong số cổ phần phổ thông của công ty và những người liên quan của họ”.

- Điều 9 Nghị quyết ngày 23/04/2021 của Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2021 “Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, quyết định ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2021, năm 2022 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV”.

Theo các quy định trên, việc ký Bản thỏa thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 với đơn giá mới giữa Công ty và Tổng Công ty phải được Hội đồng quản trị chấp thuận, trong đó các thành viên Hội đồng quản trị là người có liên quan không được tham gia biểu quyết.

**Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty nhưng vẫn tuân thủ các quy định hiện hành, Giám đốc Công ty kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét các nội dung sau:**

1. Phê duyệt để Giám đốc Công ty triển khai ký kết:

- Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**.

- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 và kỳ 02 năm 2022 với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**.

2. Ủy quyền cho Giám đốc Công ty xem xét để ký kết các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch các kỳ kế tiếp của năm 2022, theo đúng nội dung Hợp đồng mua bán sỉ kỳ 01 và kỳ 02 năm 2022 với đơn giá là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**.

Khi có sự thay đổi (điều chỉnh) khác về đơn giá mua bán (6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>), Giám đốc Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét.

Trân trọng kính trình.

**Hồ sơ đính kèm tờ trình:**

- Tờ trình số 03/TTr-CNBT-HĐQT ngày 31/03/2021 về việc thương thảo, quyết định ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch với Tổng Công ty –TNHH MTV.

- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Cấp nước Bến Thành ngày 23 tháng 04 năm 2021.

- Công văn số 402/TCT-KDDVKH ngày 21/01/2022 về Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 01 năm 2022 giữa Tổng Công ty và Công ty CP Cấp nước Bến Thành.

- Công văn số 980/TCT-KDDVKH ngày 03/03/2022 về đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2022 giữa Tổng Công ty và Công ty (kèm Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 02 năm 2022).

- Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

- Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 01 năm 2022 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

- Thông báo số 2539/CNBT-KDDVKH ngày 01/12/2021 của Phòng Kinh doanh Dịch vụ khách hàng V/v điều chỉnh đơn giá nước sạch năm 2022 giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải lộ trình 2022-2025.

- Bảng tổng hợp giá vốn tiền nước mua bán si nước sạch năm 2021.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu (VT, P.KTTC).



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN DOãn XÃ



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **980** /TCT-KDDVKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Về đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022  
giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

**ĐẾN** Số: 127  
Ngày: 04-03-2022  
Chuyên: ĐƠN GIÁ

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (gọi tắt là Tổng Công ty) đã có văn bản số 402/TCT-KDDVKH gửi Quý Công ty đính kèm dự thảo bán thỏa thuận về hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 và dự thảo hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2022; theo đó, đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022 giữa Tổng Công ty và Quý Công ty theo tổ hợp đơn giá như sau:

- Đơn giá mua bán sỉ đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Quý Công ty là **6.504,45 đ/m<sup>3</sup>**.
- Đơn giá mua bán sỉ đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty (nếu có) bằng 70% giá bán bình quân tại đồng hồ đo đếm lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty.

Hiện nay, việc mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2022 đã hoàn tất và Tổng Công ty đã thực hiện xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Tổng Công ty đề nghị Quý Công ty sớm xem xét, thống nhất ký kết hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2022.

Để việc mua bán sỉ nước sạch được liên tục, Tổng Công ty gửi đến Quý Công ty hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 02 năm 2022 (08 bản) để tiến hành ký kết.

Sau khi ký kết, đề nghị Quý Công ty gửi về Tổng Công ty (Phòng Kinh doanh – Dịch vụ khách hàng).

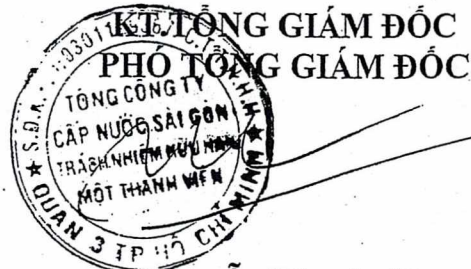
Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Tổng Công ty và Quý Công ty sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Tổng Công ty rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./. *Y*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng thành viên TCT (để báo cáo);
- Ban Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- P.KTTC, P.KHĐT (để biết);
- Lưu: VT, P.KDDVKH, T3M.



Nguyễn Thanh Sử

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **402** /TCT-KDDVKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 2022

Về Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 01 năm 2022  
giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH	
Số: 42	
<b>ĐẾN</b>	Ngày: 21-01-2022
Chuyên:	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành ✓

Để việc cung cấp nước sạch cho người dân thành phố được an toàn, liên tục,  
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (gọi tắt là Tổng Công ty) gửi đến  
PRITC Quý Công ty dự thảo Bản thỏa thuận về hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01  
đến kỳ 12 năm 2022 và dự thảo Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 01 năm 2022.

Tổng Công ty đề nghị Quý Công ty xem xét và thống nhất ký kết hợp đồng  
mua bán si nước sạch năm 2022.

Sau khi ký kết, đề nghị Quý Công ty gửi về Tổng Công ty (Phòng Kinh doanh  
– Dịch vụ khách hàng).

Tổng Công ty rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

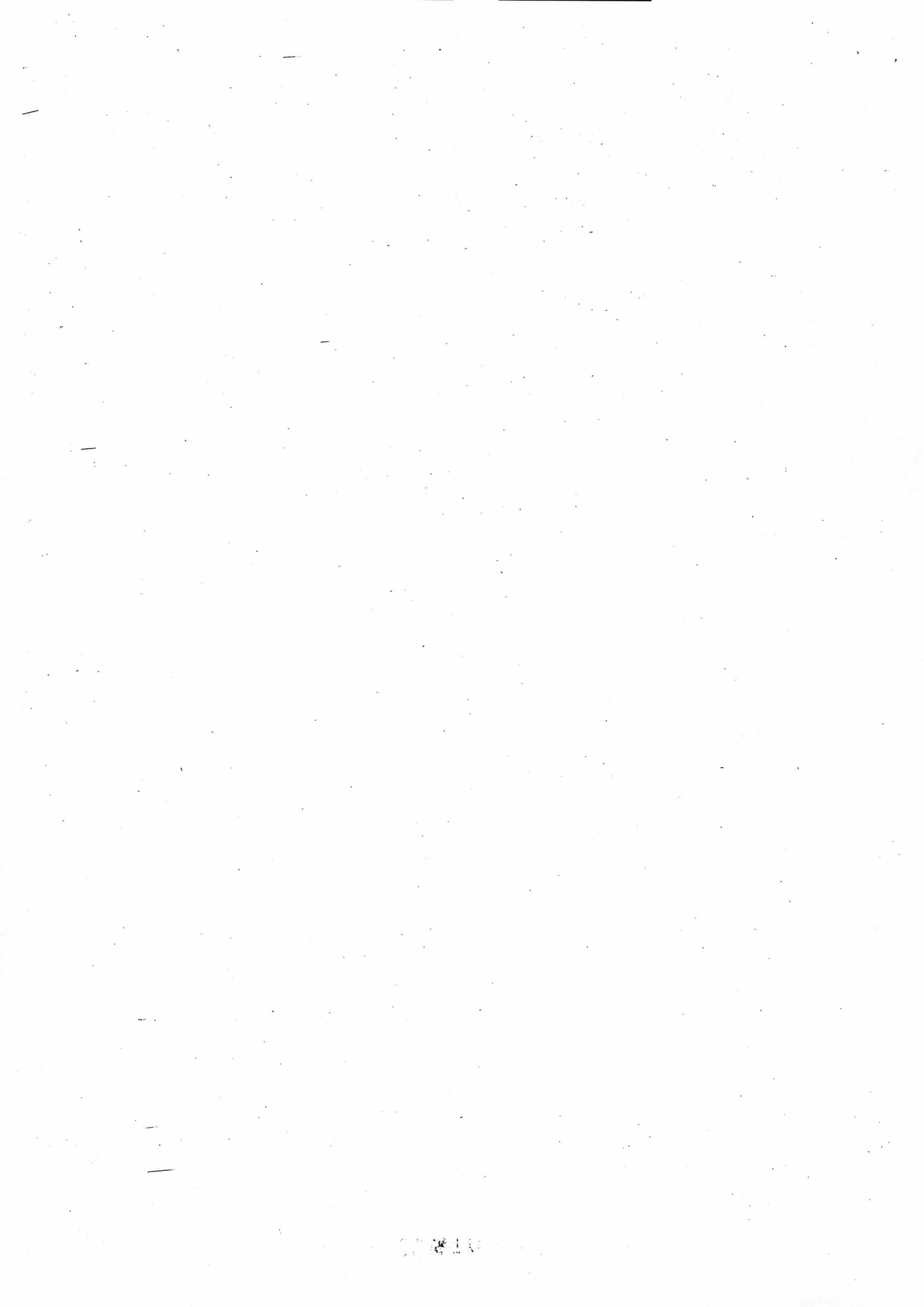
Trân trọng / . Qy

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐTV (để báo cáo);
- Ban TGD (để báo cáo);
- P.K TTC (để biết);
- P.KHĐT (để biết);
- Lưu: VT, P.KDDVKH (T3M).



Nguyễn Thanh Sử



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022*

**BẢN THỎA THUẬN**

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022  
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên  
và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

*Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ – Công ty con;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;*

*Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2022, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

**BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN:**

Ông: **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 5379/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH:**

Ông: **Nguyễn Doãn Xã**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 sẽ thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

**I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:**

Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

**II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:**

**1. Khối lượng nước mua bán:**

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 20 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

**2. Xác định khối lượng nước mua bán:**

### 2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán sỉ hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán sỉ nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
  - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục).
  - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

### 2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán sỉ:

#### a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán sỉ được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với:  $Q_i$  : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán sỉ.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

#### b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

- ❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

- + ***Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

+ **Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).**

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

+ **Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết**

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước  
tương ứng với các ngày cần tính trung bình

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

+ **Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:**

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.



Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

**+ Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:**

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thế để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

**❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:**

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

### 2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

### 2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 20 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Trường hợp ngày 20 hàng tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được thực hiện vào ngày liền kề sau đó và nội suy sản lượng cho ngày 20.

## III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 như sau:

$$\text{GBS}_{2022} = \text{GBS tính lại}_{2021} * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng thực tế giá bán lẻ bình quân})$$

Trong đó:

- *GBS tính lại 2021* : là đơn giá mua bán sỉ cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B tính lại năm 2021 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2021 so với năm 2020. Cụ thể là **6.136,27 đồng/m<sup>3</sup>**.
  - *% Tốc độ tăng thực tế giá bán lẻ bình quân*: là tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2022 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2021.  
Mức tăng tạm áp dụng là **6%** theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.  
Cuối năm 2022, hai bên sẽ tính toán lại đơn giá bán sỉ nước sạch theo tốc độ tăng thực tế giá bán lẻ bình quân năm 2022 so với năm 2021.
2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:
- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục đính kèm) là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**. Đơn giá này sẽ được tính toán lại vào cuối năm theo nguyên tắc xác định đơn giá trên.
  - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

#### IV./ VỀ THANH TOÁN:

- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A như sau:
  - + Đợt 1: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.
  - + Đợt 2: Sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán đợt 1, Bên B thanh toán hết cho Bên A số tiền còn lại.

- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch, hai bên sẽ tiếp tục rà soát các khách hàng sử dụng nước khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

**Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN  
-TNHH MTV**

(Đính kèm Bản thỏa thuận về hợp đồng mua bán si nước sạch ngày / /2022)

## PHỤ LỤC DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG

### 1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	sg1001	268 Tran Hung Dao - So Cong an TP (THD-N
2	sg1003	243 CMT8 (Café Trung Nguyen)
3	sg1004	Nguyen Binh Khiem - Nguyen Du(So thu)
4	sg1005	15 Pasteur
5	sg1007	6 Pasteur
6	sg1009	82 Ho Hao Hon
7	sg1010	Doi dien 252/72 Ly Chinh Thang
8	sg1016	Sai Gon Center
9	sg1017	Tran Hg Dao - Nguyen Thai Hoc
10	sg1019	7 Nguyen Thi Minh Khai
11	sg1020	8B Nguyen T Minh Khai
12	sg1021	Goc Nguyen Binh Khiem - Nguyen T M.Khai
13	sg1022	Nguyen.B.Khiem - Nguyen Dinh Chieu (1F03B)
14	sg1025	Le Thanh Ton - Hai Ba Trung
15	sg1026	Le Thanh Ton - Dong Khoi
16	sg1031	330 Tran Hung Dao (1G13A)
17	sg1032	Cho NanCy (1C12A)
18	sg1034	D.T.Hoang - V.T.Sau
19	sg1035	94 Pham Ngoc Thach
20	sg1037	Vo Thi Sau - Tran Quoc Thao
21	sg1038	VTS - Nam Ky K Nghia (3F02B)
22	sg1041	Calmette - Nguyen Thai Binh
23	sg1043	Yersin - Tran Hung Dao
24	sg1044	Nguyen Thai Hoc - Tran Hung Dao
25	sg1045	NKKN - Nguyen Thai Binh (1H01B)
26	sg1048	Tran Quoc Toan – Huynh Tinh Cua (3H02)
27	sg1049	Hai Ba Trung – Tran Quang Khai (1K01)
28	sg1050	Hai Ba Trung – Ba Le Chan (1K02B)
29	sg1051	Hai Ba Trung – Ly Chinh Thang (3H01)
30	sg1052	Le Thanh Ton – Ton Duc Thang
31	sg1053	Vo Van Tan – Truong Dinh
32	sg1054	Nguyen Thi Minh Khai – Ton That Tung
33	sg1055	Vo Van Tan – CMT8
34	sg1056	Nguyen Thi Minh Khai – Nguyen Huu Hieu
35	sg1058	191 Vo Van Tan (3E-12C)
36	sg1059	2A Nguyen Thien Thuat (3B-02)

37	sg1060	Cao Thang – Nguyen Thi Minh Khai (3E-12D)
38	sg1061	Cong Quynh – Nguyen Thi Minh Khai (1G-02A)
39	sg1062	Pham Viet Chanh – Nguyen Thi Minh Khai
40	sg1063	Cong Quynh – Nguyen Thi Minh Khai
41	sg1064	Vo Van Tan – Pasteur
42	sg1065	256 Pasteur
43	sg1066	Gan giao lo Pastuer – Dien Bien Phu
44	pt1001 3K01	Vong xoay Dan chu

## 2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
45	pt2005	DBP - Cao Thang
46	cl2009	Nguyen Trai - Nguyen Van Cu 2
47	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)
48	sg2006	Ly Thai To - Nguyen Dinh Chieu (3B01)
49	sg2025	Cau Tran Quan Dieu (3JQ2A)
50	sg2028	686/72/22 CMT8 (3T01)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022*

## **HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH**

**KỠ 01 NĂM 2022**

**Số: \_\_\_\_\_/HĐ-TCT-KDDVKH**

*Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - Công ty con;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;*

*Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2022 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;*

*Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2022, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế: 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 5379/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

**BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH (Bên mua)**

Trụ sở chính : Số 194 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 297 147

Fax: (84.8) 38 229 778

Tài khoản số : 622.021.145.0011 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chợ Lớn – Chi nhánh Hòa Bình.

Mã số thuế : 0304789925

Do Ông : **Nguyễn Doãn Xã** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2022 theo các điều khoản sau:

**Điều 1: Khối lượng nước mua bán.**

- 1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục-1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:
  - 1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.
  - 1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A.
  - 1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:



- 1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài khối (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.
  - 1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài khối (tuyến ống) của Bên A (nếu có).
- 1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:
- 1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.
  - 1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.
  - 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liên kế trước đó.
  - 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
  - 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **2.500.000 m<sup>3</sup>** (hai triệu năm trăm ngàn mét khối).
- Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

**Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.**

## 2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

2.1.1 Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 20 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 20 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Trường hợp ngày 20 hàng tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được thực hiện vào ngày liền kề sau đó và nội suy sản lượng cho ngày 20. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

### 2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

## 2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

### **Điều 3: Chất lượng nước sạch:**

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

## 3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

### 3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

### 3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

## 3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

- 3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.
- 3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

#### **Điều 4: Đơn giá mua bán**

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **6.504,45 đồng/m<sup>3</sup>**.
- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

#### **Điều 5: Thanh toán.**

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:
- 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.2 Tối đa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán được nêu tại khoản 5.1.1, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán sỉ.

## **Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước**

6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
- 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

## **Điều 7: Trách nhiệm của các bên.**

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
  - 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài khối của mình.
  - 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài khối của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
  - 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
  - 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiền độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
  - 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.
- 7.2 Trách nhiệm của Bên B:
- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
  - 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
  - 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài khối của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
  - 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch với Bên A.

7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.

7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).

7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

#### **Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.**

8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:

- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
- Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động khởi xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- Nước thô để khởi xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán,

cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

**Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.**

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước kỳ 01 năm 2022.  
9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

**Điều 10: Điều khoản chung.**

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.  
10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.  
10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.  
10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG**

**1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):**

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	sg1001	268 Tran Hung Dao - So Cong an TP (THD-N)
2	sg1003	243 CMT8 (Café Trung Nguyen)
3	sg1004	Nguyen Binh Khiem - Nguyen Du(So thu)
4	sg1005	15 Pasteur
5	sg1007	6 Pasteur
6	sg1009	82 Ho Hao Hon
7	sg1010	Doi dien 252/72 Ly Chinh Thang
8	sg1016	Sai Gon Center
9	sg1017	Tran Hg Dao - Nguyen Thai Hoc
10	sg1019	7.Nguyen Thi Minh Khai
11	sg1020	8B Nguyen T Minh Khai
12	sg1021	Goc Nguyen Binh Khiem - Nguyen T M Khai
13	sg1022	Nguyen.B.Khiem - Nguyen Dinh Chieu (1F03B)
14	sg1025	Le Thanh Ton - Hai Ba Trung
15	sg1026	Le Thanh Ton - Dong Khoi
16	sg1031	330 Tran Hung Dao (1G13A)
17	sg1032	Cho NanCy (1C12A)
18	sg1034	D.T.Hoang - V.T.Sau
19	sg1035	94 Pham Ngoc Thach
20	sg1037	Vo Thi Sau - Tran Quoc Thao
21	sg1038	VTS - Nam Ky K Nghia (3F02B)
22	sg1041	Calmette - Nguyen Thai Binh
23	sg1043	Yersin - Tran Hung Dao
24	sg1044	Nguyen Thai Hoc - Tran Hung Dao
25	sg1045	NKKN - Nguyen Thai Binh (1H01B)
26	sg1048	Tran Quoc Toan – Huynh Tinh Cua (3H02)
27	sg1049	Hai Ba Trung – Tran Quang Khai (1K01)
28	sg1050	Hai Ba Trung – Ba Le Chan (1K02B)
29	sg1051	Hai Ba Trung – Ly Chinh Thang (3H01)
30	sg1052	Le Thanh Ton – Ton Duc Thang
31	sg1053	Vo Van Tan – Truong Dinh
32	sg1054	Nguyen Thi Minh Khai – Ton That Tung
33	sg1055	Vo Van Tan – CMT8
34	sg1056	Nguyen Thi Minh Khai – Nguyen Huu Hieu
35	sg1058	191 Vo Van Tan (3E-12C)
36	sg1059	2A Nguyen Thien Thuat (3B-02)
37	sg1060	Cao Thang – Nguyen Thi Minh Khai (3E-12D)
38	sg1061	Cong Quynh – Nguyen Thi Minh Khai (1G-02A)

39	sg1062	Pham Viet Chanh – Nguyen Thi Minh Khai
40	sg1063	Cong Quynh – Nguyen Thi Minh Khai
41	sg1064	Vo Van Tan – Pasteur
42	sg1065	256 Pasteur
43	sg1066	Gan giao lo Pastuer – Dien Bien Phu
44	pt1001 3K01	Vong xoay Dan chu

**2. Đồng hồ tổng tách mạng:**

STT	Mã vị trí	Vị trí
45	pt2005	DBP - Cao Thang
46	cl2009	Nguyen Trai - Nguyen Van Cu 2
47	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)
48	sg2006	Ly Thai To - Nguyen Dinh Chieu (3B01)
49	sg2025	Cau Tran Quan Dieu (3JQ2A)
50	sg2028	686/72/22 CMT8 (3T01)

**PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH**

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế

**MỤC I: CÁC CHỈ TIÊU VÀ THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH:**

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Tần suất thử nghiệm
<i>Thông số vi sinh vật</i>				
1.	Coliform	CFU/100 mL	<3	Tháng
2.	E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1	Tháng
3.	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
4.	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
<i>Thông số cảm quan và vô cơ</i>				
5.	Arsenic (As) (*)	mg/L	≤ 0.01	06 tháng
6.	Clo dư tự do	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Tháng
7.	Độ đục	NTU	≤ 2	Tháng
8.	Màu sắc	TCU	≤ 15	Tháng
9.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Tháng
10.	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5	Tháng
11.	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
12.	Antimon (Sb)	mg/L	≤ 0,02	06 tháng
13.	Bari (Bs)	mg/L	≤ 0,7	06 tháng
14.	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
15.	Cadmi (Cd)	mg/L	≤ 0,003	06 tháng
16.	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
17.	Chỉ số pecmanganat	mg/L	≤ 2	06 tháng
18.	Chloride (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	≤ 250	06 tháng
19.	Chromi (Cr)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
20.	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	≤ 1	06 tháng
21.	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/L	≤ 300	06 tháng
22.	Fluor (F)	mg/L	≤ 1,5	06 tháng
23.	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	≤ 2	06 tháng
24.	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 0,1	06 tháng
25.	Natri (Na)	mg/L	≤ 200	06 tháng
26.	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	≤ 0.2	06 tháng
27.	Nickel (Ni)	mg/L	≤ 0,07	06 tháng
28.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	≤ 2	06 tháng

29.	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
30.	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
31.	Seleni (Se)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
32.	Sunphat	mg/L	≤ 250	06 tháng
33.	Sunfua	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
34.	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	≤ 0,001	06 tháng
35.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	≤ 1000	06 tháng
36.	Xyanua (CN)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
<i>Thông số hữu cơ</i>				
<i>a. Nhóm Alkan clo hóa</i>				
37.	1,1,1 -Tricloroetan	µg/L	≤ 2000	06 tháng
38.	1,2 - Dicloroetan	µg/L	≤ 30	
39.	1,2 - Dicloroeten	µg/L	≤ 50	
40.	Cacbon tetraclo rua	µg/L	≤ 2	
41.	Diclorometan	µg/L	≤ 20	
42.	Tetracloroeten	µg/L	≤ 40	
43.	Tricloroeten	µg/L	≤ 20	
44.	Vinyl clorua	µg/L	≤ 0,3	
<i>b. Hydrocacbua thơm</i>				
45.	Benzen	µg/L	≤ 10	06 tháng
46.	Etylbenzen	µg/L	≤ 300	
47.	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	≤ 1	
48.	Styren	µg/L	≤ 20	
49.	Toluen	µg/L	≤ 700	
50.	Xylen	µg/L	≤ 500	
<i>c. Nhóm Benzen Clo hóa</i>				
51.	1,2 - Diclorobenzen	µg/L	≤ 1000	06 tháng
52.	Monoclorobenzen	µg/L	≤ 300	
53.	Triclorobenzen	µg/L	≤ 20	
<i>d. Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>				
54.	Acrylamide	µg/L	≤ 0,5	06 tháng
55.	Epiclohydrin	µg/L	≤ 0,4	
56.	Hexaclorò butadien	µg/L	≤ 0,6	
<i>Thông số hóa chất bảo vệ thực vật</i>				
57.	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/L	≤ 1	06 tháng
58.	1,2 - Dicloropropan	µg/L	≤ 40	
59.	1,3 - Dichloropropen	µg/L	≤ 20	
60.	2,4-D	µg/L	≤ 30	
61.	2,4 - DB	µg/L	≤ 90	
62.	Alachlor	µg/L	≤ 20	
63.	Aldicarb	µg/L	≤ 10	
64.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	≤ 100	

65.	Carbofuran	µg/L	≤ 5	
66.	Chlorpyrifos	µg/L	≤ 30	
67.	Clodane	µg/L	≤ 0,2	
68.	Clorotoluron	µg/L	≤ 30	
69.	Cyanazine	µg/L	≤ 0,6	
70.	DDT và các dẫn xuất	µg/L	≤ 1	
71.	Dichloprop	µg/L	≤ 100	
72.	Fenoprop	µg/L	≤ 9	
73.	Hydroxyatrazine	µg/L	≤ 200	
74.	Isoproturon	µg/L	≤ 9	
75.	MCPA	µg/L	≤ 2	
76.	Mecoprop	µg/L	≤ 10	
77.	Methoxychlor	µg/L	≤ 20	
78.	Molinate (**)	µg/L	≤ 6	
79.	Pendimetalin	µg/L	≤ 20	
80.	Permethrin Mg/t	µg/L	≤ 20	
81.	Propanil Uq/L	µg/L	≤ 20	
82.	Simazine	µg/L	≤ 2	
83.	Trifuralin	µg/L	≤ 20	
<i>Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</i>				
84.	2,4,6 - Triclorophenol	µg/L	≤ 200	06 tháng
85.	Bromat	µg/L	≤ 10	
86.	Bromodichloromethane	µg/L	≤ 60	
87.	Bromoform	µg/L	≤ 100	
88.	Chloroform	µg/L	≤ 300	
89.	Dibromoacetonitrile	µg/L	≤ 70	
90.	Dibromochloromethane	µg/L	≤ 100	
91.	Dichloroacetonitrile	µg/L	≤ 20	
92.	Dichloroacetic acid	µg/L	≤ 50	
93.	Formaldehyde	µg/L	≤ 900	
94.	Monochloramine	µg/L	≤ 3,0	
95.	Monochloroacetic acid	µg/L	≤ 20	
96.	Trichloroacetic acid	µg/L	≤ 200	
97.	Trichloroaxetonitril	µg/L	≤ 1	
<i>Thông số nhiễm xạ</i>				
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	≤ 0,1	06 tháng
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	≤ 1,0	

**Chú thích:**

- Dấu (\*) theo QCVN 01-1:2018/BYT quy định giám sát hàng tháng đối với đơn vị khai thác nước ngầm nhưng không quy định đối với nước mặt do đó đối với nước trên mạng lưới giám sát 06 tháng;

- Dấu (\*\*) áp dụng theo giới hạn cho phép của QCVN 01:2009/BYT do QCVN 01-1:2018/BYT đề cập nhưng lại không quy định giới hạn cho phép.

**MỤC II: CÁC CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM:**

1. Coliform
2. E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt
3. Clo dư tự do
4. Độ đục
5. Màu sắc
6. Mùi, vị
7. pH

(Đính kèm Hợp đồng số /HĐ-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

**PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC  
MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN BẾN THÀNH KỶ .../...****TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN  
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : \_\_\_\_\_/BB-TDNS-QLĐHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ  
CỦA CÔNG TY CPCN ..... KỶ .../...**Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước .....  
chúng tôi gồm:**Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn**

Ông/Bà: ..... (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

**Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước .....**

Ông/Bà: .....

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

**I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)****a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của  
hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)**

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
<b>CỘNG</b>							

**a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng,  
nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)**

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
<b>CỘNG</b>							

**a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài  
khởi Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)****a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ  
tổng nguồn: (A3.1)**

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
<b>CỘNG</b>							

a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn:  
(A3.2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
<b>CỘNG</b>							

## II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1					
2					
...					

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1					
2					
...					

## III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

a. ....



- b. ....  
c. ....

Ý kiến đề nghị:

**ii. BÊN B**

- a. ....  
b. ....  
c. ....

Ý kiến đề nghị:

**c2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)**

**i. BÊN A**

- a. ....  
b. ....  
c. ....

Ý kiến đề nghị:

**ii. BÊN B**

- a. ....  
b. ....  
c. ....

**c3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)**

**i. BÊN A**

- a. ....  
b. ....  
c. ....

Ý kiến đề nghị:

**ii. BÊN B**

- a. ....  
b. ....  
c. ....

**IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ**

(A)	Lượng nước qua ĐHT (A1+A2+A3.2)		(m <sup>3</sup> )
-----	---------------------------------	--	-------------------

2. Điều chỉnh phí bảo vệ môi trường thành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh lộ trình năm 2022-2025 như sau:

Nội dung	2022	2023	2024	2025
<b>Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải = % đơn giá tiền nước</b>	15%	20%	25%	30%
<i>Thuế 10% trên đơn giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải</i>				

Các đơn giá nước, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được điều chỉnh từ ngày 01 tháng 01 mỗi năm.

Như vậy, kể từ hóa đơn kỳ 01/2022 đơn giá tiền nước năm 2022 sẽ được áp dụng. Lượng nước khách hàng sử dụng trước ngày 01/01/2022 sẽ được tính theo đơn giá tiền nước và phí bảo vệ môi trường năm 2021 và lượng nước sử dụng từ ngày 01/01/2022 sẽ tính theo đơn giá tiền nước, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải năm 2022.

Việc tính lượng nước sử dụng trước và sau khi điều chỉnh giá nước mới được tính theo nguyên tắc tiêu thụ trong kỳ ( $m^3$ ) chia cho số ngày trong kỳ để có số tiêu thụ bình quân ngày, sau đó:

- Tiêu thụ bình quân ngày nhân với số ngày trước ngày 01/01/2022 để có lượng nước tính theo đơn giá năm 2021.

Tiền nước	Thuế GTGT tiền nước	Phí Bảo vệ môi trường	Tổng tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Lượng nước x Đơn giá tiền nước năm 2021	5% x (1)	10% x (1)	(1) + (2) + (3)

- Tiêu thụ bình quân ngày nhân với số ngày từ ngày 01/01/2022 để có lượng nước tính theo đơn giá năm 2022

Tiền nước	Thuế GTGT tiền nước	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải		Tổng tiền
		Đơn giá	Thuế GTGT	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Lượng nước x Đơn giá tiền nước năm 2022	5% x (1)	15% x (1)	10% x (3)	(1) + (2) + (3) + (4)

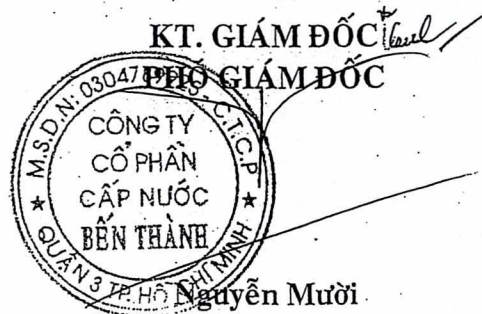
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành trân trọng thông báo đến Quý Khách hàng được biết.

Quý Khách hàng có nhu cầu tìm hiểu về giá nước mới có thể truy cập vào website [www.capnuocbenthanh.com](http://www.capnuocbenthanh.com), trao đổi trực tiếp với nhân viên đọc số hoặc liên hệ qua số điện thoại 1900.068.868 để được giải đáp.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phòng, Ban, Đội Công ty;
- Lưu (TCHC-KDDVKH).



Nguyễn Mười

Tp.HCM, ngày 13 tháng 01 năm 2021.

**BẢNG THEO DÕI**  
**DOANH THU, GIÁ VỐN TIỀN NƯỚC NĂM 2021**

TT	Mua vào						Bán ra			Tỷ lệ TTN (%)
	Sản lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá điều chỉnh	Thành tiền điều chỉnh	Chi phí mua sắm tăng thêm (giảm bớt)	Sản lượng (m3)	Đơn giá	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) x (3)	(5)	(6) = (2) x (5)	(7) = (6) - (4)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	3.679.352	6.389,44	23.508.998.843	6.043,03	22.234.434.517	(1.274.564.326)	2.898.885	12.733	36.912.073.900	21,21
2	3.466.127	6.389,44	22.146.610.499	6.043,03	20.945.909.445	(1.200.701.054)	2.783.536	13.191	36.718.870.790	19,69
3	3.174.327	6.389,44	20.282.171.907	6.043,03	19.182.553.291	(1.099.618.616)	2.611.624	12.815	33.468.093.480	17,73
	3.634.050	6.389,44	23.219.544.432	6.043,03	21.960.673.172	(1.258.871.260)	2.925.980	13.336	39.022.078.420	19,48
	3.535.405	6.389,44	22.589.258.123	6.043,03	21.364.558.477	(1.224.699.646)	2.824.191	13.230	37.364.591.310	20,12
6	3.200.038	6.389,44	20.446.450.799	6.043,03	19.337.925.635	(1.108.525.164)	2.700.997	12.884	34.798.951.630	15,59
7	2.790.863	6.389,44	17.832.051.687	6.043,03	16.865.268.835	(966.782.852)	2.485.596	12.554	31.204.455.410	10,94
8	2.839.665	6.389,44	18.143.869.138	6.043,03	17.160.180.785	(983.688.353)	2.340.054	12.236	28.632.296.150	17,59
9	2.880.025	6.389,44	18.401.746.936	6.043,03	17.404.077.476	(997.669.460)	2.337.456	11.525	26.938.826.889	18,84
10	2.925.263	6.389,44	18.690.792.423	6.043,03	17.677.452.067	(1.013.340.356)	2.268.795	11.781	26.729.543.977	22,44
11	3.084.188	6.389,44	19.706.234.175	6.043,03	18.637.840.610	(1.068.393.565)	2.293.421	11.683	26.794.268.537	25,64
12	2.983.014	6.389,44	19.059.788.972	6.043,03	18.026.443.092	(1.033.345.880)	2.413.564	12.428	29.994.979.700	19,09
<b>TNG</b>	<b>38.192.317</b>	<b>6.389,44</b>	<b>244.027.517.934</b>	<b>6.043,03</b>	<b>230.797.317.402</b>	<b>(13.230.200.532)</b>	<b>30.884.099</b>	<b>12.581,85</b>	<b>388.579.030.193</b>	<b>19,03</b>



GIAM ĐỐC

Nguyễn Doãn Xã

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Cường

LẬP BẢNG

Vũ Thị Kim Lành